

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Phú và bà Hồ Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thừa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022; Thông báo số 255/TB-TAND, ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm và Thông báo số 264/TB-TAND, ngày 16/5/2022 về việc mở phiên tòa dân sự sơ thẩm giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Quốc Tr, sinh năm: 1978.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm: 1989.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã HX, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh Tr, chị H có mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho cháu Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13/01/2018 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của anh Đặng Quốc Tr là ông Đặng Bá Quát - Trợ giúp viên pháp lý của Tr tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho cháu Đặng Quốc C, sinh ngày 09/8/2013 theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của anh Đặng Quốc Tr là bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Tr tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

5. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Thôn 8, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Quốc Tr trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi quyết định đi đến hôn nhân, anh với chị Nguyễn Thị Thúy H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và có tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 6 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HH cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã HX), huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của vợ chồng là tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với mẹ anh Tr tại Thôn 8, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn về lời ăn, tiếng nói, qua cách nghĩ và quan điểm sống. Cách đây 04 năm chị H đã có ý định ly hôn với anh Tr và có hướng cho các con “Sau khi ba mẹ ly hôn thì các con ở với ai?”; chị H nói với gia đình ngoại và em gái rằng anh Tr cùng với gia đình anh đối xử tệ, ở ác với chị H; vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về việc nhà và con cái. Do tính chất công việc, thời gian anh Tr dành nhiều cho công việc nên cũng ít khi ở nhà, chị H ở nhà cùng với mẹ anh và người em bị bệnh thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng lớn, thời gian gần 01 năm người em gái và mẹ của anh Tr phải đi nơi khác ở. Khoảng thời gian trước tết năm 2022 anh Tr có về nhà ba mẹ vợ, trong lúc ăn cơm cả nhà đầy đủ thì ba vợ anh bảo “Mày giải thoát cho con tau, mày và gia đình mày ăn ở gì ác thế”, anh Tr cảm thấy bị xúc phạm. Mặc dù, vợ chồng vẫn sống chung trong một nhà nhưng đã ngủ riêng gần 01 năm, do không sống được với chị H đến tháng 12 năm 2021 anh Tr dọn ra ngoài ở. Nay anh Tr không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: Cháu Đặng Quốc C, sinh ngày 09/8/2013, cháu Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13/01/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng với vợ chồng. Sau khi ly hôn, anh Tr yêu cầu giao 03 người con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi và anh sẽ cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 tháng (03 người con x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng/01 tháng) từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Tr về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, hôn nhân của vợ chồng là tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống với mẹ chồng cho đến nay. Cuộc sống

chung của vợ chồng hạnh phúc, yên lặng, nhẹ nhàng, chồng làm, vợ làm, chưa hề xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã to tiếng, chị luôn chăm lo cho cuộc sống của chồng và các con, chăm lo cả cuộc sống của mẹ chồng từ cái áo, cái quần, bữa cơm; chồng khởi xướng công việc gì chị H đều ủng hộ và bắt tay vào cùng hỗ trợ giúp chồng. Cách đây một năm vợ chồng không còn ngủ chung với nhau, anh Tr cho rằng cần phải “cúng cấp” nên vợ chồng thời gian này mỗi người ngủ một nơi. Cũng thời gian này, anh Tr ít khi ở nhà, vợ chồng cũng ít gặp nhau. Từ tháng 12 năm 2021, anh Tr dọn ra ngoài ở, khi nào có việc gì trong gia đình thì mới về, anh Tr có biểu hiện khác thường, nói chuyện với chị H mà cứ đề cập đến việc tâm linh, ơn trên. Chị H cũng không hiểu vì sao anh Tr tạo khoảng cách với chị. Thời gian gần đây, chị H được biết anh Tr có mối quan hệ với người phụ nữ khác, do chị không có chứng cứ nên không chứng minh được việc anh Tr ngoại tình. Trong thời gian nghi ngờ anh Tr ngoại tình, chị và gia đình có tìm hiểu được biết người phụ nữ này bỏ bùa cho anh Tr để anh Tr bỏ vợ, bỏ con. Mặc dù chị H bị sốc về tâm lý nhưng chị không oán trách, căm ghét anh Tr, chị còn tình cảm với anh Tr nên không đồng ý ly hôn với anh Đặng Quốc Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung như anh Tr đã trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Quốc C, sinh ngày 09/8/2013, cháu Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13/01/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đồng ý anh Tr cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 tháng (03 người con x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng/01 tháng) từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Đặng Quốc C, cháu Đặng Thị Mỹ V và cháu Đặng Thị Mỹ K trình bày:*

Vợ chồng anh Tr và chị H có 03 người con chung như vợ chồng anh Tr chị Hoà đã trình bày. Qua xác minh hiện nay 03 người con chung của chị H và anh Tr hiện đang ở với chị H và bà nội tại Thôn 8, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian chung sống những người con chung này do chị H thường xuyên gần gũi, chăm lo việc ăn học cho các cháu; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cháu Đặng Quốc C và cháu Đặng Thị Mỹ V nếu ba mẹ không sống chung với nhau nữa thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. Giữa anh Tr và chị H cũng thống nhất về việc nuôi con, giao 03 người con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi và thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con một người con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng (03 người con x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng/tháng) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc giao các cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự thỏa thuận cho các bên về nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Quốc Tr, anh Tr được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Tr và chị H là giao cháu Đặng Quốc C, sinh ngày 09/8/2013, cháu Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05/9/2015 và cháu Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13/01/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và công nhận mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của anh Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Quốc Tr khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1989, địa chỉ Thôn 8, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Ngày 18 tháng 4 năm 2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H đã có đơn xin thay đổi ý kiến đối với biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/4/2022. Chị H xác nhận tình cảm chị dành cho anh Tr đang còn nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn. Mặc dù đã quá thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành nhưng chị H đã đưa ra lý do quá hạn về việc thay đổi ý kiến và được Tòa án chấp nhận nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Đối với người làm chứng bà Nguyễn Thị Ng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trước đó bà Nguyệt đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện kết hôn vào ngày 24 tháng 6 năm 2013, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã Hương Hòa cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã Hương Xuân), huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của anh Tr và chị H là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

[5] Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với gia đình anh Tr cho đến nay, quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không có biện pháp khắc phục nên anh Tr làm đơn xin ly hôn. Trong cuộc sống vợ chồng anh Tr, chị H phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Hơn nữa, chị H cũng xác nhận vợ chồng mặc dù sống chung trong nhà nhưng không ngủ chung đã hơn một năm, đến tháng 12 năm 2021 thì anh Tr đã dọn ra ngoài ở và anh Tr cũng ít khi ở nhà nên vợ chồng ít gặp nhau. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và do không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh Tr và chị H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Tr được ly hôn chị H.

[6] Về con chung: Anh Đặng Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Thúy H có 03 người con chung là Đặng Quốc C, sinh ngày 09/8/2013, Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05/9/2015 và Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13/01/2018; anh Tr và chị Hoà thỏa thuận giao cháu Can, cháu Vân và cháu Kiều cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi đủ 18 tuổi. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, ý kiến của cháu Can cháu Vân và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các con của anh Tr và chị Hoà, là phù hợp với thực tế, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội được quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được công nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh Tr và chị H. Việc anh Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 tháng (03 người con x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng/01 tháng) từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi các cháu Can, cháu Vân, cháu Kiều đủ 18 tuổi và chị H cũng đồng ý về mức cấp dưỡng này là phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Tr và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Quốc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Đặng Quốc C, Đặng Thị Mỹ V và Đặng Thị Mỹ K của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 229, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đặng Quốc Tr được ly hôn chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Thúy H: Giao cháu Đặng Quốc C, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2013, cháu Đặng Thị Mỹ V, sinh ngày 05 tháng 9 năm 2015 và cháu Đặng Thị Mỹ K, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Quốc Tr và chị Nguyễn Thị Thúy H: Anh Đặng Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi một người con mỗi tháng là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/01 tháng (03 người con x 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng = 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng/01 tháng) kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Đặng Quốc C, Đặng Thị Mỹ V và Đặng Thị Mỹ K đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Đặng Quốc Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đặng Quốc Tr chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh Tr còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi

suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về án phí: Anh Đặng Quốc Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí mà anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002566 ngày 22/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Tr còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hồ Minh Thước